

BẢO VỆ NHÓM YẾU THỂ TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM THỜI NGUYỄN VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

TRẦN HỒNG NHUNG *

NGUYỄN THỊ THÚY **

Tóm tắt: Pháp luật Việt Nam thời Nguyễn (1802 - 1884) đã dành sự quan tâm nhất định đến những đối tượng được coi là yếu thế trong xã hội như phụ nữ, người già, trẻ em, người tàn tật, người dân tộc thiểu số, tù nhân, nô tì, những người có hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa. Không chỉ ghi nhận những quyền lợi nhất định và dành những ưu đãi về vật chất và tinh thần cho nhóm người yếu thế, Nhà nước thời Nguyễn còn thực hiện các biện pháp để đảm bảo quyền được thực thi trên thực tế. Bài viết nghiên cứu về những quy định và biện pháp bảo vệ quyền của nhóm yếu thế ở Việt Nam thời Nguyễn nhằm chỉ ra một số giá trị đương đại, những bài học kinh nghiệm để xây dựng và hoàn thiện hơn pháp luật về bảo vệ nhóm yếu thế cũng như tăng cường hiệu quả của công tác tuyên truyền, phổ biến, thực hiện pháp luật nhằm bảo vệ quyền con người trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Từ khoá: Bảo vệ quyền; nhóm yếu thế; thời Nguyễn

Nhận bài: 12/7/2022

Hoàn thành biên tập: 30/7/2023

Duyệt đăng: 30/7/2023

PROTECTING VULNERABLE GROUPS IN THE NGUYEN PERIOD AND LESSONS LEARNED

Abstract: Vietnamese law in the Nguyen period paid certain attention to those considered vulnerable in society, such as women, the elderly, children, disabled people, ethnic minorities, prisoners, slaves, and people in difficult circumstances and homelessness. Not only did the Nguyen state recognize certain rights and grant material and spiritual advantages to vulnerable groups, but it also took measures to ensure that those rights were exercised in practise. The article researches regulations and measures to protect the rights of vulnerable groups in Vietnam during the Nguyen period with the aim of pointing out some contemporary values, lessons for the purpose of establishing and improving the law on protecting vulnerable groups, as well as improving propaganda work, disseminating and implementing laws to protect human rights in the context of building a socialist rule of law state in Vietnam today.

Keywords: Protection of rights; vulnerable groups; Nguyen period

Received: July 12th, 2022; Editing completed: July 30th, 2023; Accepted for publication: July 30th, 2023

Nhóm yếu thế ở Việt Nam thời phong kiến nói chung và thời Nguyễn nói riêng là những nhóm người có địa vị thấp,

không có nhiều quyền lợi, ít có tiếng nói trong gia đình và xã hội. Họ phải phụ thuộc vào các nhóm đối tượng khác, các quyền cơ bản luôn bị đe dọa, trong đó bao gồm các quyền về bình đẳng, được chăm sóc sức khỏe, quyền về tài sản, quyền được được bảo vệ và quyền tự quyết. Nghiên cứu các quy

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: tranhongnhung@hlu.edu.vn

** Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội
E-mail: nguyenthithuy@hlu.edu.vn

định trong cổ luật Việt Nam có thể thấy những nhóm người yếu thế, dễ bị tổn thương, chịu nhiều thiệt thòi được pháp luật quan tâm bảo vệ bao gồm: người già, trẻ em, phụ nữ, người tàn tật, người cô quả¹ không nơi nương tựa; người dân tộc thiểu số, tù nhân, nô tì, người bị áp bức về vật chất và tinh thần. Họ được Nhà nước dành cho những ưu tiên và quan tâm hơn những nhóm người khác do những đặc điểm và hoàn cảnh bất lợi mà họ gặp phải trong cuộc sống. Xuất phát từ cơ sở tư tưởng Nho giáo, từ quy luật lịch sử, từ truyền thống văn hóa, Nhà nước quân chủ đã có những quy định để bảo vệ quyền lợi cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đối với những người yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội đương thời.

Từ việc nhận diện, phân định các nhóm người yếu thế, Nhà nước quân chủ thời Nguyễn đã xác định những quan điểm, cách thức bảo vệ những nhóm người này.

1. Quan điểm và cách thức bảo vệ nhóm yếu thế của Nhà nước quân chủ Việt Nam thời Nguyễn

1.1. Bảo vệ nhóm yếu thế được xác định là trách nhiệm của Nhà nước, của xã hội và gia đình

Trước hết, người đứng đầu Nhà nước, những vị Vua thời kì phong kiến phải có trách nhiệm yêu dân, thương dân. Quan điểm Thiên mệnh của Nho giáo một mặt thần thánh hóa, tạo ra uy quyền to lớn của nhà Vua nhưng mặt khác cũng đặt ra nghĩa vụ quan trọng của người đứng đầu nhà nước, đó

là khi nhận mệnh trời cần thi hành đạo trời, thuận theo đạo trời, đạo trời thể hiện qua lòng dân, ý dân. Từ đó hình thành quan điểm trên tuân mệnh trời, dưới theo ý dân (Kính thiên, Ái dân). Tiếp theo, hệ thống quan lại, những người giúp Vua triển khai và thực thi quyền lực cũng thấm nhuần tư tưởng Nho giáo về trách nhiệm với dân chúng. Không chỉ Vua, quan lại mà cả cộng đồng xã hội cũng phải có trách nhiệm đối với người yếu thế. Việc giúp đỡ những người cô cùng, nghèo khó được sự chung tay hỗ trợ của nhà nước và xã hội. Pháp luật trừng trị nghiêm khắc đối với các quan lại và người dân ở địa phương thiếu trách nhiệm với những người có hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật... Bộ Hoàng Việt luật lệ thời Nguyễn, điều lệ của điều luật “Sự ung tấu bất tấu” (Việc nên tấu lại không tấu) quy định: “*Phàm quan ở các châu huyện thấy tình trạng tật bệnh khổ sở của dân chúng không trình báo rõ lên thượng ti khiến cho dân không có chỗ nương tựa, trông cậy, thì bị cách chức, vĩnh viễn không được sử dụng nữa. Nếu đã qua trình báo rõ ràng mà thượng ti không phê chuẩn để đạt tiếp thì [thượng ti] cũng bị cách chức*”² Trong gia đình, pháp luật đặt ra những quy tắc xử sự và trách nhiệm của những người gia trưởng trong mối quan hệ với những người yếu thế hơn như quy định rõ trách nhiệm của người chồng đối với vợ, của cha mẹ với con cái, của con cháu đối với người già, qua đó nhằm bảo vệ cho quyền lợi của những người yếu thế trong gia đình.

¹ Quả chỉ những người vợ góa chồng, cô là những người mồ côi, sống một mình; cô quả chỉ những người phụ nữ góa chồng sống một mình không nơi nương tựa.

² Viện Sử học (2009), *Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 834.

1.2. Ghi nhận và bảo vệ một số quyền nhất định của nhóm yếu thế thông qua các quy định pháp luật

Khảo sát các văn bản pháp luật thời Nguyễn (bao gồm các bộ luật, các tập hội điển, các văn bản do nhà Vua ban hành) có thể thấy sự quan tâm của Nhà nước đến việc bảo vệ những quyền và lợi ích chính đáng của nhiều đối tượng được coi là yếu thế trong xã hội.

Đối với phụ nữ, họ được pháp luật ghi nhận những quyền nhân thân và tài sản như: quyền từ hôn, quyền xin li hôn, quyền thừa kế tài sản, quyền được bảo vệ về sức khỏe, tính mạng, danh dự... “Nhiều nghiên cứu trước đây cho rằng, bộ luật thời Nguyễn đã gạt bỏ tất cả những điều luật tiến bộ của bộ luật Hồng Đức, trong đó có những điều luật bảo vệ quyền lợi người phụ nữ. Tuy nhiên, khảo cứu 398 điều luật và 593 điều lệ của bộ Hoàng Việt luật lệ cho thấy, những điều luật, điều lệ liên quan đến người phụ nữ nằm rải rác các phần, các mục khác nhau, trong đó nhiều nhất là phần Hộ luật và Hình luật. Số lượng các điều khoản liên quan đến người phụ nữ chiếm số lượng không nhỏ (17 điều luật và 48 điều lệ), điều này cho thấy phụ nữ đã có vị trí nhất định trong Hoàng Việt luật lệ”³.

Đối với người già, trẻ em, người tàn tật, pháp luật bảo vệ tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm cũng như đảm bảo đời sống và sự chăm sóc đối với họ. Pháp luật quy định rõ nghĩa vụ chăm sóc của cha mẹ với con; nghĩa vụ của con cháu phụng dưỡng ông bà

cha mẹ lúc già yếu. Đối với người dân tộc thiểu số, nhà làm luật đã thể hiện sự tôn trọng đối với tập quán của các dân tộc thiểu số. Nhà nước cũng hướng đến nhìn nhận sự bình đẳng giữa các dân tộc. Minh Mệnh năm thứ nhất (1820) đã ra chỉ dụ: “Trẫm yêu thương nuôi dưỡng con dân... Năm ngoài nhân dịp Bắc tuần, Trẫm đã dự định giảm cho mười một trấn thuộc thành hạt một nửa thuế thân trong năm nay. Nhưng nghĩ lũ dân Nùng, Mán không có trâu thuế để mà ân giảm bớt, như vậy những tiểu dân ở nơi biên giới xa xôi còn bị bỏ rơi, chưa được nhờ ơn đức nên Trẫm chưa an tâm. Vậy những khoản tiền bạc thuế tính theo số người trong gia đình cũng giảm một nửa khiến cho những người dân ở hang cùng ngõ hẻm đều được thấm nhuần ơn huệ, như thế mới thỏa lòng Trẫm coi hết thảy mọi người dân như nhau”⁴.

Điều lưu ý thêm là, các nhà làm luật đã mô tả cụ thể các hành vi và tương ứng với đó là mức hình phạt, điều này tạo sự rõ ràng, thuận tiện trong cách hiểu và áp dụng pháp luật. Lấy dẫn chứng ngay trong Điều 333 về Phạm gian trong Hoàng Việt luật lệ thời Nguyễn, các nhà làm luật đã phân định và mô tả rõ hành vi cũng như mức độ vi phạm và mức độ xử phạt khác nhau: hòa gian (trai gái tự nguyện cùng nhau thông gian), điều gian (gian phụ dụ dỗ gian phụ đến nơi khác để thông gian) xử như hòa gian phạt 80 trượng, còn cưỡng gian (cưỡng bức phụ nữ để gian dâm), luân gian (thay nhau hãm hiếp người đàn bà) đều bị xử giáo (hình phạt thắt cổ hành hình). Cưỡng gian chưa thành thì

³ Nguyễn Thị Thu Thủy (2019), *Hoàng Việt luật lệ - Một cách tiếp cận mới*-, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 64.

⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, Nxb. Thuận Hóa, 2009, thiên Ái dân, tr. 228.

phạt 100 trượng, đày 3000 dặm. Gian dâm với nhau mà sinh con thì gian phu đều phải nhận nuôi. Nếu những kẻ thông gian có mối lái và được thỏa thuận tại nhà thì phạm nhân được xử (hòa gian, điều gian) giảm một mức. Quan chức và quân dân thông gian với vợ quan chức thì cả gian phu, gian phụ đều xử giáo giam hậu (giam chờ thất cổ). Luân gian đàn bà con gái dân lành, xét đúng sự thật thì chiếu theo luật xử bọn côn đồ, trộm cướp, kẻ cầm đầu xử trăm, bọn đồng lõa phạt 100 trượng, đày 3000 dặm⁵.

Các nhà làm luật cũng rất chú trọng đến công tác giải thích pháp luật. Trong Hoàng Việt luật lệ có một phần riêng (quyển 1) quy định về những vấn đề chung mang tính nguyên tắc của Bộ luật, trong đó giải thích về từ ngữ, quy định về hình phạt, lễ tiết có liên quan đến Bộ luật. Quyển cuối cùng bao gồm các quy định về so sánh và sách dẫn các điều luật nhằm đối chiếu khi vận dụng. Ở mỗi quyển đều chép các điều luật, mỗi điều luật bổ sung nhiều lệ, có giải thích, được sắp xếp theo thứ tự nhất định. Các điều lệ đi kèm điều luật để bổ sung, làm đầy đủ hơn nội dung của điều luật. Nội dung các điều luật vì thế không có sự chồng chéo, trùng lặp. Việc kèm theo giải thích ở sau mỗi điều luật giúp làm sáng rõ hơn ý nghĩa của điều luật, tạo điều kiện thuận lợi cho người thi hành pháp luật. Ví dụ Điều 19 Hoàng Việt luật lệ quy định: Trường hợp người đàn bà phạm tội bị đánh trượng, nếu phạm tội gian dâm thì xử tội bắt lột hết quần áo (chỉ còn lại manh

khô). Còn các tội khác thì đều cho mặc một manh áo mỏng. Tất cả đều được miễn thích chữ⁶. Nếu như phạm vào tội đồ, tội lưu thì xử đánh 100 trượng, dư tội thì cho chuộc. Phần lệ của điều lệ đã giải thích rõ: Đàn bà phạm vào tội gian dâm thì mất hết liên si, do vậy khi xử tội bắt lột cả manh áo mỏng. Nếu phạm các tội khác thì thi hành án cho giữ lại manh áo mỏng. Làm như vậy để răn đe cho sợ. Nếu phạm tội trộm cắp thì cũng cho miễn việc thích chữ. Việc bắt lao dịch khi xử tội đồ thì sức đàn bà không thể kham nổi, do vậy kẻ phạm tội đồ, lưu đều xử đánh 100 trượng, còn dư tội đều cho chuộc cả⁷.

1.3. Có chính sách ưu đãi về vật chất và tinh thần đối với nhóm người yếu thế

Đối với những người tàn tật, goá phụ, trẻ em, Nhà nước sẽ cấp cho một phần đất theo chính sách quân điền để đảm bảo cuộc sống. Những người đau ốm, bệnh tật, chết đường chết chợ, xã quan địa phương nơi đó cũng cần có trách nhiệm chăm sóc, chôn cất cho tử tế. Trong những thời điểm dịch bệnh, thiên tai, nạn đói..., Nhà nước có chính sách trợ cấp đối với người dân bị lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Theo “Đại Nam thực lục” ghi chép vào năm Minh Mệnh thứ nhất 1820, ở một số nơi như ở Hà Tiên, Vĩnh Thanh, Định Tường, bệnh dịch phát to. Đến tháng 7 năm đó, các tỉnh từ Bình Thuận trở ra Quảng Bình lại báo có dịch: “*Từ Bình Thuận trở ra đến Quảng Bình có tin báo bệnh dịch. Vua*

⁵ Viện Sử học (2009), *Cổ luật Việt Nam- Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 869 - 872.

⁶ Hình phạt trong thời kì phong kiến. Hình phạt thích chữ có 5 bậc: thích 2 chữ, 4 chữ, 6 chữ, 8 chữ và 10 chữ, trong đó 2 chữ và 4 chữ thích vào cổ còn lại thích chữ vào mặt. Ngoài ra còn có quy định chi tiết cả về khổ chữ.

⁷ Viện Sử học (2009), sdd, tr. 305.

lấy bạch đậu khấu trong kho và phương thuốc chữa dịch sai người ban cấp. Sắc cho các địa phương mỗi nơi đặt một đàn tế lễ. Người ốm thì cấp thuốc, người chết thì cấp tiền vải, theo như lời dụ trước”⁸. Sách “Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ”, quyển 63 về “Quyết tuất” có ghi chép về việc lập các nhà dưỡng tế ở nhiều nơi, từ thời Gia Long đến thời Minh Mạng. Vào năm Gia Long thứ 13 (1834), vua Gia Long còn ra một định lệ rất cụ thể về các nhà dưỡng tế ở kinh thành rồi truyền cho các nơi: quán trọ, đường sá, xã, thôn, phường, chợ, ở trong thành, nếu thấy có những kẻ lang thang ở nhờ, ở dõ, làm thuê, làm mướn kiếm ăn, lỡ bị bệnh tật, không người cấp dưỡng thì lí dịch sở tại đưa họ đến nhà dưỡng tế giao cho viên Ty Thừa biện để biên tên tuổi, quê quán; hằng ngày cấp phát tiền, gạo và tùy theo bệnh mà cấp thuốc thang. Không chỉ trong “Hội điển sự lệ”, trong “Đại Nam thực lục”, cũng có nhiều đoạn ghi chép về việc cứu giúp kẻ cô cùng. Vào năm Tự Đức thứ 17 (1864), Doanh điền sứ đạo Quảng Trị, phủ Thừa Thiên là Trần Đình Túc có báo với Vua là trong lúc đi đường nhận nhiệm sở, ông gặp nhiều đàn ông, đàn bà có vẻ đói xanh, có kẻ đi một mình, có kẻ đem vợ con cùng đi; hỏi ra mới biết họ là dân Nam, Ngãi bị đói đi phiêu lưu kiếm sống và xin cấp cho lương gạo (ai có vợ con thì mỗi tháng cấp cho 1 phương gạo, không có vợ con thì cấp 15 bát gạo), cấp cho họ năm ba tháng, khi nào họ tự sinh sống được thì thôi không cấp nữa. Trần Đình Túc còn xin lượng cấp cho

những kẻ cô cùng này các loại dao bở cùi, cuốc sắt để họ tự làm ăn. Nghe lời tâu, vua Tự Đức than rằng: “Dân Nam Ngãi có khổ trạng như thế, vậy mà từ trước tới nay không ai tâu lên”, rồi bèn sai phủ thần khảo sát thì đúng quả thực như vậy. Sau đó, không những nhà Vua cho cứu giúp, như lời tâu của Trần Đình Túc, mà còn có chỉ dụ, nếu ai muốn xin ở lại thì người khỏe mạnh giao cho Doanh điền để họ tự lo cày cuốc; người già ốm, trẻ nhỏ thì cho vào ở nhà dưỡng tế⁹.

Nhà nước còn thực hiện cứu trợ đối với những vùng có hoàn cảnh khó khăn do dịch bệnh, giảm thuế khóa, lao dịch để an lòng dân. Trận dịch tháng 01/1844, nhà Nguyễn cấp lương gạo cho người bị cảm nhiễm bệnh dịch: “Người cảm nặng đều được 5 bát gạo trắng và 3 tiền, người cảm nhẹ được 3 bát gạo trắng và 2 tiền”. Việc giảm thuế khóa, sưu dịch cũng được tiến hành. Chẳng hạn, năm 1843 vì lệ khí truyền nhiễm nên miễn thuế quan cho 6 tỉnh Nam Kỳ, trong trận dịch năm 1844, các địa phương bị dịch bệnh đều được hoãn thu thuế, gọi lính. Biện pháp xuất kho cho vay thóc và giảm giá bán thóc gạo cho người dân. Theo thống kê, vua Minh Mệnh trong 21 năm cầm quyền đã 46 lần xuất thóc kho bán rẻ cho người dân¹⁰.

Bên cạnh hỗ trợ về vật chất, nhà Nguyễn cũng có những chính sách ưu đãi về tinh thần. Đối với phụ nữ thủ tiết hay người già thượng thọ cũng nhận được ban thưởng và nêu gương. Năm Minh Mệnh thứ 10, tỉnh

⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tập 3, tr. 605.

⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), sđd, tập 7, tr. 634.

¹⁰ Lê Quang Chấn (2017), “Tình hình thiên tai ở Việt Nam giai đoạn 1802 - 1883 và chính sách cứu trợ xã hội của triều Nguyễn”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 8, tr. 14 - 29.

biểu người trinh nữ tỉnh Tuyên Quang là Nghi Thị Nghi, ở châu Thị Thu, có sắc đẹp, năm mười sáu tuổi bị người con trai tàn bạo muốn làm ô uế, Thị Nghi thề chết không thuận nên bị giết. Bấy tôi Bắc thành tâu lên, Hoàng đế truyền mệnh cấp cho bốn chữ: “Nghi thị trinh nữ”. Sai quan địa phương dựng phưởng ở đầu làng, treo biển đề tinh biểu¹¹. Năm Minh Mệnh thứ 11, tỉnh thường những người dân sống lâu trăm tuổi tại các địa phương. Người giữ chức quản trị sách Lang Giao, thuộc Phúc Khánh, Biên Hòa hưởng thọ 100 tuổi. Vua đặc biệt ban cho vàng tốt hai mươi lượng. Hạ lệnh cho bộ Lễ chiếu lệ ban thưởng cho Nguyễn Thị Yên người xã Cù Sơn, tỉnh Hải Dương sống lâu hơn tám mươi tuổi, được năm đời cùng ở chung 1 nhà¹².

1.4. Giảm nhẹ hình phạt, được ưu tiên và áp dụng những nguyên tắc có lợi trong quá trình tố tụng

Phụ nữ, người già, trẻ em, người tàn tật, người dân tộc thiểu số trong một số trường hợp được chiếu cố giảm hoặc miễn tội, được chuộc tội bằng tiền để không phải thực hiện hình phạt. Trong quyền đầu của “Hoàng Việt luật lệ” thời Nguyễn, phần “Nạp thực chur lệ đồ” (Biểu đồ các lệ chuộc tội) đã ghi chú những đối tượng được ưu tiên cho phép nộp tiền để chuộc tội là: “Trường hợp người phạm tội là người già, trẻ con, ốm yếu, tàn tật hoặc là nhân viên Nha thiên văn khí tượng và đàn bà thì tính số lượng bị xử rồi chiếu theo lệ cho chuộc bằng tiền. Phụ nữ được hưởng quyền không bị giam giữ khi phạm tội lưu trở xuống.

Hoàng Việt luật lệ chương Đoán ngục có một điều luật “Phụ nhân phạm tội” (Đàn bà phạm tội) cùng 4 điều lệ kèm theo quy định: “Phạm những người đàn bà phạm tội trừ tội gian dâm và các tử tội phải giam cầm còn các tội khác phải giao về cho người chồng quản giữ. Nếu không có chồng thì giao về cho những người thân thuộc (ở mức chịu tang cho nhau) hoặc cho xóm làng quản giữ. Khi nha lại gọi thì đến hầu, không trường hợp nào được quản giữ. Trái lệnh phạt 40 roi”¹³.

Trong bộ Hoàng Việt luật lệ, sự chiếu cố giảm tội đối với người già, trẻ nhỏ, tàn tật, cũng được quy định cụ thể trong các điều 17, 19, 21, 22. Điều 21 Hoàng Việt luật lệ quy định: già cả, trẻ dại và người ốm yếu cho thu tiền chuộc. Phạm từ 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống và những người tàn phế hoặc bệnh tật (như mù mắt, cụt một chi) phạm tội lưu trở xuống cho thu tiền chuộc. 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống và những kẻ bị tật nặng (mù 2 mắt, cụt hai chi) phạm việc giết người đáng khép tử tử tội xem xét tâu lên Vua quyết định, trộm cắp làm tổn thương người khác cũng cho thu tiền chuộc. Người tàn tật cũng được hưởng nguyên tắc có lợi trong quá trình xét xử. Người già, trẻ em, người tàn tật trong bộ luật nhà Nguyễn còn được quyền miễn tra khảo, quan phải sử dụng các chứng cứ có sẵn để định tội. Bất cứ hành vi tăng nặng tội danh khi xét xử đối với người già và trẻ em dù nhằm lẫn hay cố ý đều bị quy vào tội cố ý thêm bớt tội cho người khác. Điều 370 Hoàng Việt luật lệ quy định: Phạm những người được hưởng Bát nghị (8 hạng người được hưởng quyền ưu đãi) và

¹¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), sdd, tr. 868.

¹² Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), sdd, tr. 869.

¹³ Viện Sử học (2009), sdd, tr. 977.

những người từ 70 tuổi trở lên (người già nên thương xót), từ 15 tuổi trở xuống (với trẻ con nên nhân từ), bị tàn tật (tàn tật nên thương xót), nếu có phạm tội, quan ti không được dùng hình khảo vắn, phải căn cứ vào các bằng chứng mà định tội. Trái phép điều này sẽ chiếu theo điều luật “cố ý thêm bớt tội cho người khác” mà luận tội. Biết rõ người đó được hưởng quyền ưu đãi, là người già, trẻ con, tàn tật mà vẫn cố ý khảo vắn để không chịu được đau đớn phải nhận bừa tội thì chiếu theo điều “cố ý tăng tội” mà định tội. Nếu không biết rõ đó là hưởng quyền ưu đãi, là người già, trẻ con, tàn tật mà lầm lẫn đem khảo vắn để thành tội nhận bừa thì luận tội theo luật cố ý tăng tội, giảm 3 mức.

1.5. Thực hiện những biện pháp bảo đảm quyền của người yếu thế

Những quy định về bảo vệ quyền lợi của nhóm yếu thế đều mô tả cụ thể về hành vi và kèm theo chế tài xử phạt nặng khi vi phạm, phổ biến là chế tài hình sự. Áp dụng những biện pháp trừng phạt nặng với những hành vi xâm phạm đến quyền của con người một mặt mang tính răn đe, phòng ngừa cao đối với các hành vi phạm tội, mặt khác giúp nhà nước phong kiến có thể bảo vệ cho các quy tắc, chuẩn mực đạo đức, lễ nghi Nho giáo, góp phần ổn định trật tự xã hội. Đối với phụ nữ: Trong pháp luật phong kiến, những hành vi xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, sức khỏe, tính mạng của người phụ nữ bị trừng phạt rất nặng. Hoàng Việt luật lệ thời Nguyễn cũng dành riêng chương “Phạm gian” của phần “Hình luật” gồm 9 điều luật để quy định các tội danh và các đối tượng phạm tội gian dâm. Trong đó có điều luật “Phạm gian” và 6 điều lệ kèm theo quy định

rất cụ thể và tỉ mỉ các đối tượng phạm tội gian dâm. Các tội danh cưỡng gian và luân gian¹⁴ đều phải chịu mức hình phạt cao nhất là tử hình (thắt cổ hoặc là xử chém). Một số điều lệ của Hoàng Việt luật lệ cũng bảo vệ người phụ nữ trong những trường hợp khác như: tụ tập đông người mưu cướp bóc con gái, đàn bà ngoài đường hoặc đem bán hoặc đưa về làm nô tì thì không cần xem xét đến việc có lấy được của cải hay không đều bị xử trảm, tòng phạm thì bị xử giảo giam hậu¹⁵. Đối với người già, pháp luật đặt ra trách nhiệm của con cái kính trọng ông bà cha mẹ, trách nhiệm phải phụng dưỡng, chăm sóc ông bà cha mẹ lúc già yếu, nếu không thực hiện những nghĩa vụ với ông bà cha mẹ sẽ bị trừng phạt bằng những chế tài hình sự. Bất hiếu là 1 trong 10 thập ác tội (mười trọng tội hàng đầu) theo quy định của pháp luật phong kiến, nếu vi phạm sẽ chịu những hình phạt nghiêm khắc nhất, cao nhất là tử hình.

Bên cạnh việc trừng phạt nặng những hành vi xâm phạm đến quyền lợi của người yếu thế, pháp luật thời Nguyễn quy định trình tự, thủ tục tố tụng rõ ràng hướng đến bảo vệ quyền con người. Bảo vệ quyền lợi con người trong lĩnh vực tố tụng không chỉ giản đơn dừng lại ở việc ghi nhận những quyền lợi chính đáng của con người mà quan trọng hơn là xác định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm quan lại trong tất cả các giai đoạn tố tụng: từ nộp đơn kiện, đơn tố cáo, bước khám nghiệm hiện trường, xét xử, thi hành án cho đến quy định về thời hiệu và kèm

¹⁴ Luân gian: Thay nhau hãm hiếp một người phụ nữ

¹⁵ Viện Sử học (2009), *Cổ luật Việt Nam - Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 623.

theo đó những quy định nhằm ngăn chặn sự vi phạm từ phía quan lại cũng là nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của con người¹⁶.

Nhà nước cũng cho phép những người yếu thế trong một số hoàn cảnh bị áp bức bởi quyền thế có thể được yêu cầu bảo vệ quyền lợi¹⁷. Một định chế pháp lý bảo vệ quyền con người rất hiệu quả thời bấy giờ là đặt trống đồng văn (trống Đấng Văn - trống đánh lên để thâu đến tai vua)¹⁸, và Kinh lược sứ¹⁹ Pháp luật triều Nguyễn cũng quy định: *“Phàm các quan ti phân thu thuế lương và bắt phu phen tạp dịch, đều phải căn cứ vào hiện số nhân đinh trong sổ mà định lập các hạng sai dịch cho đúng. Nếu tha người giàu, bắt người nghèo thay đổi thứ hạng thì gây ra tệ hại nên cho phép dân nghèo bị bức hại đó đến cửa quan tố cáo các cấp từ dưới lên trên”*.

¹⁶ Xem thêm: Nguyễn Minh Tuấn, Mai Văn Thắng (chủ biên) (2014), *Nhà nước và pháp luật triều Hậu Lê với việc bảo vệ quyền con người*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr. 115.

¹⁷ *Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, sdd, tr. 402.

¹⁸ Lo sợ triều đình khó biết được nỗi oan của người dân, vào năm Tân Mão (1831), vua Minh Mạng đã cho thiết kế một chiếc trống lớn gọi là “Đấng văn cổ” (trống Đấng Văn - trống đánh lên để thâu đến tai vua). Việc này, một bản sách *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ*, quyển 173, mặt khắc 2, có chép lời vua: *“Nay trẫm đặt ti Tam pháp, định nhật kì thu nhận đơn kiện. Phàm thần dân trong Kinh, ngoài trấn, ai có oan uổng, cho được đưa đơn tố cáo; lại đặt cái trống “Đấng văn”, ai có việc bị hại thiết thân đều được đánh lên. Đó là muốn cho nỗi u ất của kẻ dưới được đề bạt lên vua nghe”*.

¹⁹ Chức danh đại diện nhà vua đi thi hành một sứ mệnh cụ thể và nhất thời. Đoàn Kinh lược sứ gồm những vị quan được nhà vua tin cậy giao nhiệm vụ đến những vùng thiên tai, dịch bệnh, quan lại quấy nhiễu để nắm bắt tình hình dân chúng, xử nghiêm quan lại tham nhũng, xem xét những nỗi oan uổng của người dân.

Có thể nhận thấy, mặc dù chưa có điều khoản hay văn bản pháp luật riêng nào cụ thể hoá về các quyền của nhóm người yếu thế trong xã hội nhưng những chính sách, quy định trong pháp luật xưa và quan điểm của các vị Vua phong kiến thời Nguyễn cũng đã cho thấy sự quan tâm đặc biệt của Nhà nước đối với những đối tượng này. Đó là sự ghi nhận dù ở chừng mực nhất định những quyền cơ bản của con người thể hiện sự tiến bộ, tính nhân văn, nhân đạo của nhà nước phong kiến Việt Nam. Trên thế giới, ở những nhà nước phong kiến Tây Âu, thân phận của người dân khá thấp kém, họ được gọi là những người nông nô với sự phụ thuộc nặng nề vào lãnh chúa cả về mặt thân thể, tính mạng, tài sản... So với người nông dân phương Tây cùng thời kì, người nông dân ở Việt Nam thời kì phong kiến tự do hơn, họ được sở hữu về tài sản, được phân chút ruộng đất riêng và họ cũng được ghi nhận một số quyền con người.

Bên cạnh những điểm tích cực, do ảnh hưởng của tư tưởng lễ giáo phong kiến và những hạn chế của thời kỳ lịch sử nên pháp luật thời phong kiến vẫn bộc lộ những nhược điểm: hình phạt vẫn mang tính chất làm tổn thương thể xác, tinh thần đối với người phạm tội. Mặc dù có điểm tiến bộ trong việc bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ như sự ghi nhận một số quyền và giảm nhẹ hình phạt so với nam giới, được chuộc tội bằng tiền trong một số trường hợp, nhưng cũng phải thừa nhận, những quy định đối với phụ nữ thời phong kiến vẫn không vượt qua khỏi khuôn khổ của lễ giáo phong kiến. Điển hình các tội vi phạm đến trật tự xã hội phong kiến như gian dâm, bất hiếu, vợ đánh chồng... đều thi hành hình phạt giống nam giới. Thậm

chí vợ đánh chồng chịu hình phạt nặng hơn. Địa vị của người phụ nữ về các mặt chính trị, kinh tế vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Đây là hạn chế mang tính thời đại của các bộ luật cổ Việt Nam.

2. Những bài học kinh nghiệm trong xây dựng và thực thi pháp luật về bảo vệ nhóm yếu thế ở Việt Nam hiện nay

Trong giai đoạn hiện nay Đảng, Nhà nước ta luôn chú trọng xây dựng, thực hiện chính sách hỗ trợ nhóm có hoàn cảnh khó khăn. Đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực để góp phần xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện an sinh xã hội, ổn định tình hình chính trị; kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Những kinh nghiệm về xây dựng pháp luật về nhóm yếu thế trong pháp luật phong kiến vẫn còn mang tính thời sự, nhất là trong giai đoạn hiện nay, vấn đề người yếu thế ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm của xã hội.

Quy định bảo vệ nhóm yếu thế trong pháp luật phong kiến Việt Nam có nhiều giá trị để học hỏi, nghiên cứu, kế thừa, trong đó phải kể đến quy định về hình phạt, trách nhiệm quan lại và cộng đồng với người yếu thế, biện pháp trừng phạt với hành vi xâm phạm quyền lợi người yếu thế... Việc kế thừa giá trị của pháp luật phong kiến trong bảo vệ nhóm yếu thế là cần thiết nhưng phải có sự chọn lọc những giá trị thể hiện tinh thần, truyền thống của dân tộc phù hợp tư tưởng pháp luật hiện nay để áp dụng, còn những tư tưởng, quy định không phù hợp, không còn giá trị áp dụng thì phải loại bỏ. Ví dụ, trong vấn đề phòng chống bạo lực gia đình, pháp luật phong kiến chỉ quy định xử

phạt người chồng có hành vi đánh đập, ngược đãi vợ khi “vợ cả, vợ lẽ cáo quan thì mới bắt tội” nhưng với xã hội hiện nay nếu áp dụng như vậy thì không đảm bảo tính kịp thời trong bảo vệ quyền lợi cho người phụ nữ.

2.1. Về việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ nhóm yếu thế

Hệ thống pháp luật nước ta hiện nay đã có những quy định cụ thể về bảo vệ người yếu thế, đối với mỗi một nhóm người, lại có những luật riêng biệt, bao gồm: Luật Người cao tuổi năm 2009; Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2007; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014... Trong các luật này quy định rất cụ thể các quyền của từng nhóm yếu thế, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên trách, các vấn đề về học tập, việc làm, y tế, giáo dục... cho những người yếu thế, cùng với đó là biện pháp bảo vệ người yếu thế khi bị các nhóm đối tượng khác xâm phạm. Mặc dù hệ thống pháp luật hiện nay ngày càng hoàn thiện hơn với các quy định cụ thể hơn, bảo vệ nhiều quyền hơn cho nhóm yếu thế nhưng có một thực tế là việc người phạm tội thuộc nhóm đối tượng yếu thế có xu hướng gia tăng²⁰, trong đó đáng báo động là trẻ vị

²⁰ Một nghiên cứu về tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện từ 2003 đến 2012 của tác giả Lý Văn Quyền đưa ra một số thống kê như sau: Nữ giới phạm tội chiếm tỉ lệ 7,3% trong tổng số người phạm tội. Tội phạm do nữ giới thực hiện luôn chiếm tỉ lệ cao là tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy (23,99%), tội đánh bạc (20,71%) và tội trộm cắp tài sản (12,82%). Các tội phạm do nữ giới thực hiện có xu hướng tăng cao trong giai đoạn này là: Tội môi giới mại dâm, tội đánh bạc, tội tổ chức đánh bạc hoặc

thành niên²¹. Việc phạm pháp đó không hoàn toàn xuất phát từ ý chí chủ quan của người phạm tội mà phần lớn là xuất phát từ sự mặc cảm tự ti trong tâm lý dẫn tới việc dễ bị kích động cùng với sự thiếu hiểu biết về pháp luật của họ nên dễ bị lợi dụng, lôi kéo vào con đường phạm tội và một phần cũng là do những khác biệt về pháp luật của nhà nước với luật tục địa phương. Nghiên cứu pháp luật thời kì phong kiến cho thấy có rất nhiều kinh nghiệm quý báu có thể áp dụng vào xây dựng hệ thống pháp luật về người yếu thế ở Việt Nam hiện nay:

Một là, pháp luật phong kiến quy định rõ trách nhiệm của quan lại địa phương trong chăm lo, đảm bảo cuộc sống cho người yếu thế. Việc quy định trách nhiệm của quan lại vừa khiến cho người đứng đầu địa phương có trách nhiệm hơn trong thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ của mình với các đối tượng yếu thế thuộc địa bàn mình quản lí, lại vừa đảm bảo cho người yếu thế dù có ở bất kì đâu trên đất nước cũng sẽ được Nhà nước quan tâm, bảo vệ, bảo đảm những lợi ích cơ bản. Không

chỉ quy định trên văn bản, trong nhiều trường hợp quan lại vi phạm trách nhiệm chăm nuôi dân trên thực tế đã chịu những chế tài xử phạt được ghi chép lại trong các tư liệu lịch sử. “Minh Mệnh chính yếu” thời Nguyễn đã ghi lại những vụ việc cụ thể cùng những biện pháp xử phạt như sau: Năm Minh Mệnh thứ mười: Hạt Hưng Hóa có nạn gió lớn, trấn thần để qua tháng mới vào tâu. Vua khiển trách: “*Dân nơi biên thùy cũng là con đò của triều đình, hốt nhiên bị tai nạn thì có lòng mong mỏi cho ăn cho mặc há chẳng khát khao chờ đợi hay sao? Vì có gì các người lại tâu báo chậm chạp như vậy*”. Bèn truyền lệnh chấn cấp và phạt bổng các trấn thần²².

Nhà nước ta hiện nay chỉ quy định trách nhiệm chăm lo người yếu thế với các tổ chức, đoàn thể liên quan nhưng chưa quy định về trách nhiệm của những cán bộ, công chức đứng đầu, quản lí nhóm đối tượng yếu thế. Điều đó làm ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước với người yếu thế. Pháp luật phải có quy định về trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan nhà nước quản lí lĩnh vực liên quan tới người yếu thế, cụ thể đó là trách nhiệm khi không hoàn thành công việc được giao, ra các quyết định, chỉ thị gây ảnh hưởng tới những người yếu thế thuộc lĩnh vực mình quản lí.

Hai là, xây dựng quy định pháp luật rõ ràng, dễ hiểu, chú trọng hoạt động giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật. Ở Việt Nam hiện nay, trong hệ thống pháp luật còn tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo, trùng lặp giữa các văn bản quy phạm pháp luật, nhiều

gá bạc và tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Người chưa thành niên phạm tội là nữ năm 2012 tăng gấp đôi so với năm 2003 và so với người chưa thành niên phạm tội là nam thì số người chưa thành niên phạm tội là nữ có xu hướng tăng với mức độ cao hơn. Xem: Lý Văn Quyền (2011), “Tình hình tội phạm do nữ giới thực hiện ở Việt Nam hiện nay”, *Tap chí Luật học*, số 3, tr. 47 - 53.

²¹ Thành Trung (2019), *Nhức nhối thực trạng “trẻ hóa” tội phạm*, <https://baophapluat.vn/nhuc-nhoi-thuc-trang-tre-hoa-toi-pham-post325924.html>; Giang Oanh (2022), *Báo động tình trạng thanh thiếu niên phạm tội gia tăng*, <https://tiengchuong.chinhphu.vn/bao-dong-tinh-trang-thanh-thieu-nien-pham-toi-gia-tang-113220719162948517.htm>

²² Quốc sử quán triều Nguyễn, sđd, tr. 280.

trường hợp có những quy định pháp luật trừu tượng, chung chung, mập mờ, không rõ nghĩa, gây khó khăn cho các chủ thể trong việc thực hiện, nhất là trong hoạt động áp dụng pháp luật²³. Khắc phục tình trạng trên, cần thiết phải có hoạt động giải thích pháp luật, nhằm làm sáng tỏ về nội dung, tư tưởng, mục đích, hoàn cảnh, ý nghĩa của các quy định trong pháp luật, làm rõ mối quan hệ giữa các quy phạm pháp luật trong cùng một văn bản cũng như trong các văn bản khác nhau, đảm bảo cho việc thực hiện và áp dụng pháp luật được đúng đắn, chính xác, thống nhất trong cả nước. Đối với hệ thống các quy định về bảo đảm quyền của nhóm yếu thế cũng cần lưu ý đến những yêu cầu trên trong việc xây dựng và giải thích pháp luật.

Có thể thấy, trong pháp luật phong kiến, việc giải thích về nội dung cũng như từ ngữ của điều luật được trực tiếp ghi nhận sau mỗi điều luật. Việc giải thích này giúp cho người áp dụng nhận thức thống nhất về tội phạm, tiện cho việc áp dụng trong thực tiễn. Luật hình sự hiện nay không hiện diện trực tiếp sự giải thích của các nhà lập pháp đối với các điều luật ban hành. Đây là điểm tiến bộ của Hoàng Việt luật lệ về kĩ thuật lập pháp cần được kế thừa để tránh việc áp dụng pháp luật không thống nhất hiện nay. Việc quy định trực tiếp trong bộ luật tránh tình trạng một nội dung có quá nhiều văn bản hướng dẫn phức tạp. Kĩ thuật xây dựng pháp luật thời phong kiến hướng đến tính cụ thể, tỉ mỉ, rõ ràng là kinh nghiệm cần được học hỏi nhằm

khắc phục những hạn chế trong việc xây dựng quy định pháp luật thiếu tính cụ thể, thống nhất về quyền của người yếu thế trong pháp luật Việt Nam hiện đại.

Ba là, bên cạnh việc ghi nhận những quyền và có chính sách ưu tiên, khoan hồng với người yếu thế cũng cần quy định về trách nhiệm của nhóm yếu thế với cộng đồng. Pháp luật đã mang lại rất nhiều quyền lợi cho người yếu thế nhưng đi kèm những quyền lợi đó thì người yếu thế vẫn phải có trách nhiệm với gia đình và cộng đồng để đảm bảo tôn ti trật tự trong gia đình, ổn định xã hội, những hành vi vi phạm đều bị trừng phạt bất kể đó là đối tượng nào. Qua đó cho thấy dù ở bất kì xã hội nào quyền lợi luôn phải đi kèm với trách nhiệm để đảm bảo luôn có sự cố gắng vươn lên, loại trừ tính trông chờ ỷ lại. Mỗi nhóm đối tượng có cách khác nhau để phát huy vai trò của mình với xã hội như: Người già có kinh nghiệm sống phong phú cần đóng vai trò là một người duy trì nề nếp sinh hoạt trong gia đình, giáo dục con cháu về các truyền thống và đạo lí của dân tộc, hướng con cháu làm những việc có ích cho xã hội. Đối với xã hội, người già có tiếng nói quan trọng với cộng đồng dân cư, họ đóng vai trò to lớn trong việc tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ, thực hiện các chính sách, tham gia vào các hoạt động cộng đồng. Đối với phụ nữ trong xã hội ngày nay, họ vẫn là người có vai trò quan trọng trong gia đình và ngoài xã hội như tích cực tham gia vào công tác hỗ trợ giúp đỡ các người yếu thế trong xã hội, nhất là việc giúp đỡ chính những những phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn để cùng vươn lên trong cuộc sống, có trách nhiệm chăm lo cho gia đình, giáo

²³ Phạm Tuấn Khải (2008), “Giải thích pháp luật - cách nhìn của hành pháp”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 120.

dục tốt con cái, tham gia đóng góp công sức vào xây dựng và phát triển xã hội, góp tiếng nói vào công cuộc đấu tranh bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình...

2.2. Nâng cao hiệu quả của hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Để pháp luật được thực thi một cách hiệu quả thì các văn bản quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành phải được tuyên truyền, phổ biến đến người dân, các tổ chức, cá nhân để các chủ thể tham gia các quan hệ pháp luật nắm bắt được nội dung của các quy phạm pháp luật, hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình trong các mối quan hệ pháp luật, có thể sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình. Hiểu biết pháp luật để tuân thủ pháp luật, chấp hành pháp luật tốt hơn, là cơ sở để cơ quan chức năng áp dụng pháp luật để giải quyết các mối quan hệ dân sự, lao động, hành chính, kinh doanh thương mại, hình sự,... phát sinh. Một trong những hạn chế của đảm bảo thực thi quyền của nhóm yếu thế ở Việt Nam hiện nay đó là ở công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật. Do nhiều yếu tố khác nhau, mức độ hiểu biết, nhận thức pháp luật của người dân nói chung đến nay vẫn còn hạn chế, đặc biệt là người dân khu vực nông thôn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa... Do thiếu hiểu biết pháp luật nên quyền lợi của người dân đôi khi bị xâm hại, nhiều trường hợp cán bộ, công chức nhà nước thực thi công vụ không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân nhưng người dân vẫn không biết và không biết sử dụng pháp luật để đòi hỏi, yêu cầu các cơ quan bảo vệ pháp luật bảo vệ quyền lợi cho mình.

Nhìn lại lịch sử, triều Nguyễn cũng đã chú trọng việc tuyên truyền pháp luật bằng hình thức dễ hiểu, dễ vận dụng để việc tiếp cận pháp luật của người dân được thuận tiện hơn. Những bộ luật chính thống của nhà Nguyễn là Hoàng Việt luật lệ với 398 điều viết bằng chữ Hán, nội dung nhiều điều khoản khá dài và khó nhớ so với trình độ nhận thức chung của đại đa số cư dân Việt thời điểm đó đã được những vị vua phong kiến chất lọc và truyền đạt bằng cách thức dễ hiểu, dễ áp dụng và phù hợp hơn với dân chúng. Năm 1834 vua Minh Mạng đã cô đọng những tinh thần và quan điểm của luật bằng việc cũng ban bố “Huấn dịch thập điều” (đầy đủ là Thánh dụ Huấn dịch thập điều), về sau được vua Tự Đức diễn ca bằng thơ Nôm với tên gọi là “Thánh huấn thập điều diễn nghĩa ca” để khuyên bảo điều nhân nghĩa và những luân lí, chuẩn mực đạo đức của Nho giáo.

Kế thừa tinh thần đó, ngày nay cần thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến mọi đối tượng yếu thế để giúp họ hiểu được đầy đủ các quyền lợi mà pháp luật mang lại.

Nhìn về quá khứ, ôn cố nhi tri tân, tìm hiểu về những quy định bảo vệ quyền và lợi ích của nhóm người yếu thế trong thời kì phong kiến để vừa nhìn nhận về những giá trị lịch sử và đương đại của cổ luật, vừa vận dụng những kinh nghiệm của cha ông trong việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật và đảm bảo thi hành pháp luật để bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của người yếu thế tại Việt Nam hiện nay, hướng đến thực hiện những nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII./.

(Xem tiếp trang 81)

8. G. Schwartz (1996), "Mixed Theories of Tort Law: Affirming Both Deterrence and Corrective Justice", 75 *Texas Law Review*, 1801.
9. Hoàng Thế Liên (2013), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự 2005*, tập II, Nxb. Chính trị Quốc gia.
10. K. V. Soerjaman (2013), "Employers' liability for damage caused by his employee, A comparative study: Germany and the Netherlands", University of Tilburg, Report.
11. Kwame Opoku (1972), "Delictual Liability in German Law", *The International and Comparative Law Quarterly Vol. 21*, No. 2.
12. N. J. McBride, R. Bagshaw (2018), *Tort Law*, Pearson Education Limited.
13. Nguyễn Ngọc Điện (2021), *Giáo trình Luật dân sự*, Tập 2, Nxb. ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Nguyễn Văn Lâm (2017), "Hoàn thiện chế định pháp luật về trách nhiệm dân sự của pháp nhân thương mại ở Việt Nam", *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử* <https://tapchitoaan.vn/hoan-thien-che-dinh-phap-luat-ve-trach-nhiem-dan-su-cua-phap-nhan-thuong-mai-o-viet-nam6576.html>
15. Nguyễn Xuân Quang, Lê Nết, Nguyễn Hồ Bích Hằng (2007), *Luật dân sự Việt Nam*, Nxb. ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh.
16. P. Giliker (2010), *Vicarious Liability in Tort: A Comparative Perspective*, Cambridge University Press.
17. P. Giliker (2018), "Comparative law and legal culture: Placing vicarious liability in comparative perspective", 6 *The Chinese Journal of Comparative Law* 2.
18. P. Giliker (2017), *Tort*, Sweet&Maxwell.
19. R. Stevens (2007), *Torts and Rights*, OUP, Ch 11.
20. Robert Heuston, Richard A. Buckley (1992), *Salmond and Heuston on the Law of Torts*, Sweet & Maxwell; 20th edition, January 1.

BẢO VỆ NHÓM YẾU THÉ TRONG PHÁP LUẬT VIỆT NAM THỜI NGUYỄN VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM (tiếp theo trang 24)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quang Chấn (2017), "Tình hình thiên tai ở Việt Nam giai đoạn 1802 - 1883 và chính sách cứu trợ xã hội của triều Nguyễn", *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 8.
2. Nguyễn Minh Tuấn, Mai Văn Thắng (chủ biên) (2014), *Nhà nước và pháp luật triều Hậu Lê với việc bảo vệ quyền con người*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục chính biên*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2009), *Minh Mệnh chính yếu*, Nxb. Thuận Hóa.
5. Nguyễn Thu Thủy (2019), *Hoàng Việt luật lệ - Một cách tiếp cận mới*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Viện Sử học (2009), *Cổ luật Việt Nam - Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.